

Bản án số: 14/2023/HS-ST
Ngày: 14 – 02 – 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Q

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Chí L;

Bà Trương Thị Kim T.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hải Y – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức H, tỉnh Long An;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh H – Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 06/2023/TLST-HS, ngày 16 tháng 01 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2023/QĐXXST – HS ngày 30 tháng 01 năm 2023 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Võ Văn Chí L, tên gọi khác: không có; Giới tính: Nam,

Ngày, tháng, năm sinh: 14/4/2000, nơi sinh: tỉnh Đ,

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: ấp C, xã T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp,

Nơi cư trú: ấp B2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An,

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: không, nghề nghiệp: không, chức vụ trước khi phạm tội: không, trình độ học vấn: 3/12.

Họ và tên cha: Võ Văn N, sinh năm 1973 (sống),

Họ và tên mẹ: Nguyễn Thị T, sinh năm 1976 (sống),

Anh, chị, em ruột: có 02 người, lớn sinh năm 1994, nhỏ sinh năm 1997,

Vợ: Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 2000,

Con: có 01 người, sinh năm 2021.

Tiền sự: không có.

Tiền án: Có 01 tiền án, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 29/2022/HS-ST ngày 31/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An xử phạt Võ Văn Chí L 01 năm tù, về tội Trộm cắp tài sản. Bị cáo L chấp hành xong hình phạt tù ngày 10/6/2022.

Bị cáo Võ Văn Chí L đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Long An, bị cáo có mặt.

2. Họ và tên: Đoàn Văn Th, tên gọi khác: không có; Giới tính: Nam,

Ngày, tháng, năm sinh: 01/6/1998, nơi sinh: tỉnh Đ,

Nơi cư trú: ấp T, xã T, huyện TH, tỉnh Đ,

Quốc tịch: Việt Nam, Dân tộc: Kinh, Tôn giáo: không, nghề nghiệp: không, chức vụ trước khi phạm tội: không, trình độ học vấn: 3/12.

Họ và tên cha: Đoàn Văn O, sinh năm 1958 (sống),

Họ và tên mẹ: Dương Thị G, sinh năm 1962 (sống),

Anh, chị, em ruột: có 04 người, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất sinh năm 1992,

Vợ, con: không.

Tiền sự: có 01 tiền sự.

Tại quyết định số 08/QĐ-TA ngày 29/4/2020 của Tòa án nhân dân huyện TH, tỉnh Đ quyết định áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa Đoàn Văn Th vào cơ sở cai nghiện bắt buộc, thời gian 12 tháng, Tháp chấp hành xong quyết định ngày 08/02/2021, đến nay chưa hết thời hạn để được coi là chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Tiền án: không.

Bị cáo Đoàn Văn Th đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 02/11/2022 đến nay tại Nhà tạm giữ Công an huyện Đ, tỉnh Long An, bị cáo có mặt.

- *Bị hại:* Bà Phạm Thị Mỹ L, sinh năm 2001.

Địa chỉ: Ấp 3, xã L, huyện T, tỉnh Long An.

Tạm trú: Ấp B2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Long An (xin vắng mặt).

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- Anh Bùi Quang Th1, sinh năm 2006.

Địa chỉ: Ấp Anh D, xã A, huyện TH, tỉnh Đ (vắng mặt).

- Ông Lê Việt D, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Ấp 4, xã P, huyện T, tỉnh Đ (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Thị Kim Th, sinh năm 2000.

Địa chỉ: Ấp Anh D, xã A, huyện T, tỉnh Đ (có mặt).

- Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1993.

Địa chỉ: Ấp G, xã V, huyện V, tỉnh Long An (vắng mặt).

- Bà Nguyễn Anh Th, sinh năm 1999.

Địa chỉ: Ấp Đ2, xã ĐL, huyện Đ, tỉnh Long An (vắng mặt).

- *Người làm chứng*: Bà Huỳnh Mai Thanh H, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Số 126/1/13/1 đường Đ, phường B, quận BT, Thành phố H (xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 21 giờ 00 phút ngày 31/10/2022, bị cáo Đoàn Văn Th đến quán cà phê – bida bảng hiệu H do bị cáo Võ Văn Chí L làm chủ, để đánh bida. Tại đây, do không có tiền nên Bị cáo L rủ bị cáo Th đi tìm tài sản trộm cắp, bán lấy tiền chia nhau tiêu xài cá nhân, bị cáo Th đồng ý. Bị cáo L và bị cáo Th hẹn nhau đến đêm khuya sẽ đi trộm nên bị cáo Th ngủ lại tại đây. Đến khoảng 01 giờ ngày 01/11/2022, Bị cáo L lấy 01 cái kìm cộng lực có sẵn tại quán đưa cho bị cáo Th cầm để làm dụng cụ cắt khóa. Sau đó, Bị cáo L điều khiển xe gắn máy biển số 62AR- 012.67 chở bị cáo Th đi tìm tài sản trộm cắp. Khi đi đến nhà trọ biển hiệu HM, Bị cáo L nhìn thấy phòng trọ số 01 của bà Phạm Thị Mỹ L khóa cửa ngoài, không người trông coi, nên Bị cáo L dùng xe cách cửa phòng trọ khoảng 02-03m và kêu bị cáo Th đứng cạnh xe trông chừng cho Bị cáo L. Bị cáo L sử dụng kìm cộng lực mang theo cắt 2 khoen khóa cửa rồi mở cửa đi vào bên trong phòng trọ, Bị cáo L nhìn thấy trên đầu tủ lạnh trong phòng trọ có 01 tờ giấy biên nhận cầm vàng của tiệm vàng Kim Ngọc D, tên khách hàng là Linh, loại vàng dây 18K, trọng lượng: 1,03 chỉ, số tiền cầm 2.800.000 đồng, Bị cáo L lấy tờ giấy này bỏ vào túi quần sau bên phải đang mặc trên người. Sau đó, Bị cáo L tiếp tục trộm cắp 01 cái máy giặt nhãn hiệu AQUA, kiểu máy AQW- FR150GT, loại cửa trên, mang ra trước phòng trọ, Bị cáo L và bị cáo Th để máy giặt lên xe gắn máy biển số 62AR-012.67, bị cáo Th điều khiển xe chở máy giặt về quán cà phê - bida của Bị cáo L cất giấu, riêng Bị cáo L đi bộ về quán, sau khi về đến quán Bị cáo L đưa giấy biên nhận cầm vàng cho bị cáo Th cất giữ.

Đến khoảng 11 giờ ngày 01/11/2022, bị cáo Th mang tờ biên nhận cầm vàng nêu trên đến cửa hàng Kim Ngọc D kêu bán số vàng trong giấy biên nhận, nhưng chủ cửa hàng là ông Lê Việt D hẹn lại đến chiều tối cùng ngày, nên bị cáo Th quay về báo lại cho Bị cáo L biết. Đến khoảng 20 giờ cùng ngày, Bùi Văn Th1 đến quán của Bị cáo L chơi bida, Bị cáo L kêu bị cáo Th đưa tờ giấy biên nhận cầm vàng cho Th1, nhờ Thống đến tiệm vàng Kim Ngọc D kêu bán hết số vàng trong giấy biên nhận này, Thống đồng ý. Sau đó, Thống cầm giấy biên nhận cầm vàng đến cửa hàng Kim Ngọc D gặp D để bán vàng, ông D nghi ngờ Th1 trộm cắp giấy biên nhận này nên trình báo cơ quan Công an điều tra xử lý theo quy định pháp luật.

Vật chứng vụ án tạm giữ: 01 máy giặt cửa trên nhãn hiệu AQUA, kiểu máy AQW-FR150GT (thu giữ tại quán cà phê – bida bảng hiệu H); 01 giấy biên

nhận cầm vàng của cửa hàng Kim Ngọc D (thu giữ của Bùi Quang Th1); 01 xe gắn máy biển số 62AR-012.67 (thu giữ của Nguyễn Thanh H).

Tại Bản kết luận định giá tài sản số 118/KL-HĐĐGTS ngày 03/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Đ, tỉnh Long An, kết luận: 01 máy giặt cửa trên hiệu Aqua, kiểu máy: AQW-FR105GT BK, trị giá 6.471.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 14/CT – VKSDH ngày 12 tháng 01 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ, tỉnh Long An truy tố bị cáo Võ Văn Chí L và bị cáo Đoàn Văn Th về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên chính cáo trạng như sau: Tại trang 3 dòng thứ 17 từ trên xuống có ghi: “Hiện nay, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long An đang tạm giữ vật chứng gồm: 01 giấy biên nhận cầm vàng của cửa hàng Kim Ngọc D, thuộc sở hữu của bị hại Phạm Thị Mỹ L nhưng bị hại không có yêu cầu nhận lại; 01 xe gắn máy biển số 62AR-012.67.” Nay được sửa chữa, bổ sung như sau: “Hiện nay, Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long An đang tạm giữ vật chứng gồm: 01 xe gắn máy biển số 62AR-012.67. Đối với 01 giấy biên nhận cầm vàng của cửa hàng Kim Ngọc D, thuộc sở hữu của bị hại Phạm Thị Mỹ L, không còn giá trị, đã chuyển vào hồ sơ vụ án”.

Bị hại là bà Phạm Thị Mỹ L trình bày: Bà thuê phòng trọ số 01 của nhà trọ Huỳnh Mai do bà Huỳnh Mai Thanh H làm chủ. Khoảng 18 giờ ngày 31/10/2022, bà khóa cửa phòng trọ đi làm ca đêm đến khoảng 05 giờ 30 phút ngày 01/11/2022 thì bà nhận cuộc gọi của chủ nhà trọ Huỳnh Mai thông báo phòng trọ của bà bị cắt ổ khóa. Bà kiểm tra thì phát hiện bị mất cắp tài sản là 01 máy giặt hiệu AQUA và 01 giấy cầm vàng, bà đi trình báo công an. Bà đã nhận lại tài sản bị mất trộm nên bà không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với Bị cáo L và bị cáo Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là anh Bùi Quang Th1 trình bày: Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 01/11/2022, anh có đến quán Bị cáo L để chơi đánh bida, Bị cáo L nhờ anh đi bán vàng qua tờ giấy biên nhận cầm vàng. Sau đó bị cáo Th đưa cho anh tờ giấy biên nhận cầm vàng, anh mang ra tiệm vàng Kim Ngọc D để bán thì bị công an mời làm việc. Anh không biết biên nhận cầm vàng mà bị cáo Th đưa cho anh là do phạm tội mà có. Anh không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với Bị cáo L và bị cáo Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Lê Việt D trình bày: Khoảng 06 giờ ngày 01/11/2022, có một người phụ nữ tên Linh đến cửa hàng của ông báo mất biên nhận cầm vàng nên ông có ghi nhận lại. Đến trưa ngày 01/11/2022, có một nam thanh niên đến hỏi bán số vàng trong giấy biên nhận cầm vàng, ông hẹn lại buổi chiều. Đến chiều tối cùng ngày, có một nam thanh niên khác mang giấy biên nhận cầm vàng nêu trên đến hỏi bán vàng thì ông báo công an mời nam thanh niên này làm việc. Hiện tại, bà L đã chuộc lại số vàng nên giấy

biên nhận cầm vàng không còn giá trị. Ông không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với Bị cáo L và bị cáo Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Thị Kim Th trình bày: Bà là vợ Bị cáo L. Sáng ngày 01/11/2022, bà thấy có 01 máy giặt hiệu AQUA để bên hông nhà nên bà có hỏi Bị cáo L thì Bị cáo L nói mua về, đến tối cùng ngày thì lực lượng công an đến nhà kiểm tra và tạm giữ máy giặt thì bà mới biết Bị cáo L và Tháp trộm cắp mà có. Bà không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với Bị cáo L và bị cáo Th.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là ông Nguyễn Thanh H trình bày: Xe mô tô nhãn hiệu Scoopy, biển số 62AR – 012.67 là xe của ông mua lại từ người đàn ông tên D vào năm 2022 với giá 4.000.000 đồng. Khi mua không làm thủ tục mua bán và sang tên. Lúc mua xe có giấy chứng nhận đăng ký xe nhưng ông đã làm rơi mất giấy chứng nhận đăng ký xe. Khoảng chiều ngày 31/10/2022, Bị cáo L có hỏi mượn xe mô tô của ông để đi công việc, đến sáng ngày 02/11/2022 thì ông được Công an thông báo là Bị cáo L sử dụng xe của ông để làm phương tiện đi trộm cắp tài sản và xe đang bị tạm giữ. Ông yêu cầu được nhận lại xe mô tô biển số 62AR – 012.67. Ngoài ra, ông không yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là bà Nguyễn Anh Th trình bày: Năm 2016, bà có mua xe mô tô biển số 62AR – 012.67 do bà đứng tên giấy chứng nhận đăng ký xe. Năm 2017, bà bán xe mô tô nêu trên lại cho người đàn ông tên X với giá 5.000.000 đồng, không làm thủ tục mua bán và sang tên. Do xe đã bán nên bà không có yêu cầu nhận lại xe và bà không yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự đối với Bị cáo L và bị cáo Th.

Kiểm sát viên sau khi phân tích, đánh giá tính chất và mức độ nguy hiểm của hành vi mà bị cáo Võ Văn Chí L và bị cáo Đoàn Văn Th gây ra; căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo Võ Văn Chí L và bị cáo Đoàn Văn Th phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Võ Văn Chí L từ 01 năm 06 tháng đến 02 năm tù.

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38 và Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 329 Bộ luật Tố tụng Hình sự. Đề nghị xử phạt bị cáo Đoàn Văn Th từ 09 tháng đến 01 năm tù.

Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự.

- Bị hại không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự, nên không đề cập xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Đối với 01 máy giặt cửa trên nhãn hiệu AQUA, kiểu máy AQW-FR150GT, là tài sản hợp pháp của bị hại Phạm Thị Mỹ L, Cơ quan Cảnh sát

điều tra Công an huyện Đ, tỉnh Long An đã trả lại cho bị hại Phạm Thị Mỹ L xong theo biên bản trả lại đồ vật, tài liệu ngày 05/11/2022, nên không đề cập xem xét.

- Đối với cây kim cộng lực, bị cáo Đoàn Văn Th và bị cáo Võ Văn Chí L dùng làm công cụ cắt khóa, bị cáo Th khai đã vứt bỏ cây kim này. Cơ quan Cảnh sát điều tra đã tiến hành truy tìm, nhưng kết quả không thu giữ được, nên không đề cập xem xét.

- Đối với 01 xe gắn máy biển số 62AR-012.67, do Nguyễn Thanh H tự nguyện giao nộp. Qua điều tra xác định, xe gắn máy này do Nguyễn Anh Th đứng tên giấy chứng nhận đăng ký 27/9/2016 nhưng sau đó bán lại cho một người tên X không rõ nhân thân, lai lịch, quá trình mua bán không làm giấy tờ. H khai nhận mua lại xe gắn máy này từ một người tên D, không xác định nhân thân, lai lịch vào đầu năm 2022, nhưng không làm thủ tục sang tên. Ngày 31/10/2022, bị cáo Võ Văn Chí L mượn xe gắn máy này để làm phương tiện đi lại, Hùng không biết Bị cáo L dùng xe gắn máy này để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử trả xe mô tô nêu trên cho ông Hùng là phù hợp.

- Đối với 01 giấy biên nhận cầm vàng của cửa hàng Kim Ngọc D, thuộc sở hữu của bị hại Phạm Thị Mỹ L, không có giá trị và đã chuyển vào hồ sơ vụ án, nên không xem xét.

Đối với Bùi Văn Th, có hành vi mang giấy biên nhận cầm vàng do Bị cáo L và bị cáo Th đưa để đến cửa hàng Kim Ngọc D để nhằm mục đích bán vàng. Tuy nhiên, ý thức chủ quan của Th, không biết giấy biên nhận này là do bị cáo Th và Bị cáo L trộm cắp có được, nên hành vi của Th không cấu thành các tội phạm có liên quan.

Đối với Nguyễn Thanh H, có hành vi cho bị cáo Võ Văn Chí L mượn xe gắn máy biển số 62AR-012.67. Tuy nhiên, H không biết được việc Bị cáo L dùng xe gắn máy này để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên hành vi của H không cấu thành các tội phạm có liên quan.

Đối với Nguyễn Thị Kim Th sống cùng nhà trọ với bị cáo Võ Văn Chí L nhưng Th không biết Bị cáo L và bị cáo Th trộm cắp máy giặt đem về nhà trọ cất giấu nên hành vi của Th không cấu thành tội phạm có liên quan.

Tại phiên tòa, Bị cáo L và bị cáo Th thừa nhận hành vi của mình đúng như cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát đã nêu. Các bị cáo không tranh luận, các bị cáo nói lời sau cùng là hối hận về hành vi phạm tội của mình chỉ xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, để các bị cáo sớm trở về lo làm ăn, sửa đổi để trở thành công dân tốt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

[1.1]. Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra Công an huyện Đ và Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, các chứng cứ đã thu thập là có căn cứ, đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Tại phiên tòa, bị cáo, người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1.2]. Về sự vắng mặt của những người tham gia tố tụng:

[1.2.1]. Đối với bà Phạm Thị Mỹ L là bị hại có đơn xin vắng mặt và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án anh Bùi Quang Th1, ông Lê Việt D, ông Nguyễn Thanh H, bà Nguyễn Anh T vắng mặt. Xét bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án tuy vắng nhưng đã được cơ quan điều tra lấy lời khai làm rõ, vụ án không có tình tiết mâu thuẫn so với lời nhận tội của bị cáo nên sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng gì đến phiên tòa. Từ đó, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt và công bố lời khai của những người tham gia tố tụng vắng mặt theo Điều 292 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[1.2.2]. Đối với bà Huỳnh Mai Thanh H là người làm chứng có đơn xin vắng mặt nhưng đã được cơ quan điều tra lấy lời khai làm rõ để xác định sự thật vụ án, sự vắng mặt của họ không ảnh hưởng gì đến phiên tòa nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt họ theo Điều 293 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

[2]. *Hành vi phạm tội của bị cáo:*

[2.1]. Bị cáo Võ Văn Chí L và bị cáo Đoàn Văn Th có hành vi lén lút trộm cắp tài sản của bà Phạm Thị Mỹ L với giá trị tài sản là 6.471.000 đồng. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo L và bị cáo Th đã khai nhận hành vi phạm tội của mình phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án, những người làm chứng và các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, tài liệu về thời gian, địa điểm, loại tài sản, giá trị tài sản mà các bị cáo chiếm đoạt, ý kiến của kiểm sát viên. Vì vậy, có đủ cơ sở khẳng định bị cáo Võ Văn Chí L và bị cáo Đoàn Văn Th phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và khung hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng và lời luận tội của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2.2]. Hành vi trái pháp luật của Bị cáo L và bị cáo Th là nguy hiểm cho xã hội, với động cơ, mục đích vụ lợi, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức lao động của mình làm ra nên bị cáo nảy sinh ra ý định chiếm đoạt tài sản của người khác bán lấy tiền tiêu xài nhằm phục vụ thỏa mãn nhu cầu của bản thân.

[2.3]. Hành vi của Bị cáo L và bị cáo Th thực hiện do lỗi cố ý trực tiếp, đã xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, gây mất trật tự trị an tại địa phương, làm cho nhân dân bất bình, hoang mang, lo sợ. Các bị cáo cũng thừa biết tài sản của người khác là do công sức lao động làm ra được pháp luật bảo vệ và bất khả xâm phạm khi chưa có sự

đồng ý của chủ sở hữu. Các bị cáo cũng nhận biết việc lén lút lấy trộm tài sản của bà Phạm Thị Mỹ L là vi phạm pháp luật nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi phạm tội chứng tỏ các bị cáo xem thường pháp luật. Hành vi của Bị cáo L và bị cáo Th phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, không có sự cấu kết chặt chẽ. Vì vậy, cần áp dụng khoản 1 Điều 173, Điều 38, Điều 58 của Bộ luật Hình sự để có mức án tương xứng với hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra; Đồng thời, cần cách ly Bị cáo L và bị cáo Th ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo có điều kiện cải tạo và sửa chữa lỗi lầm của mình, trở thành người có ích cho xã hội.

[3]. Tuy nhiên, khi lượng hình cần xem xét cho Bị cáo L và bị cáo Th tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng:

[3.1]. Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Bị cáo L và bị cáo Th luôn thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự. Bị cáo Th phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[3.2]. Về tình tiết tăng nặng: Bị cáo L có 01 tiền án về tội trộm cắp tài sản chưa được xóa án tích, phạm tội thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[3.3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 173 của Bộ luật Hình sự thì Bị cáo L và bị cáo Th còn có thể bị phạt tiền từ năm triệu đồng đến năm mươi triệu đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy các bị cáo là lao động tự do, điều kiện kinh tế còn khó khăn. Vì vậy, Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[4]. *Về trách nhiệm dân sự*: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Bị hại đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu gì về trách nhiệm dân sự nên không đề cập giải quyết, là hoàn toàn phù hợp.

[5]. *Về xử lý vật chứng*: Áp dụng Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự và khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- 01 tờ biên nhận số 47 ngày 28/10/2022 do tiệm vàng Kim Ngọc D phát hành (nội dung: Khách hàng Linh, dây vàng 18K, trọng lượng 01 chỉ 03, số tiền cầm 2.800.000 đồng), thuộc sở hữu của bị hại Phạm Thị Mỹ L đã chuyển sang hồ sơ lưu vụ án, là hoàn toàn phù hợp.

- Trả lại cho ông Nguyễn Thanh H 01 xe gắn máy biển số 62AR-012.67, số khung RR6DCB9UMFT927084, số máy VZS139FMB927084.

[6]. Đối với anh Bùi Văn Th1, có hành vi mang giấy biên nhận cầm vàng do Bị cáo L và bị cáo Th đưa để mang đến cửa hàng Kim Ngọc D nhằm mục đích bán vàng. Tuy nhiên, ý thức chủ quan của anh Thống, không biết giấy biên nhận này là do bị cáo Th và Bị cáo L trộm cắp có được, nên hành vi của anh Thống không cấu thành các tội phạm có liên quan, là hoàn toàn phù hợp.

[7]. Đối với ông Nguyễn Thanh H, có hành vi cho bị cáo Võ Văn Chí L mượn xe gắn máy biển số 62AR-012.67. Tuy nhiên, ông Hùng không biết được việc Bị cáo L dùng xe gắn máy này để thực hiện hành vi trộm cắp tài sản, nên hành vi của ông Hùng không cấu thành các tội phạm có liên quan.

[8]. Đối với bà Nguyễn Thị Kim Th sống cùng nhà trọ với bị cáo Võ Văn Chí L nhưng bà Tho không biết Bị cáo L và bị cáo Th trộm cắp máy giặt đem về nhà trọ cất giấu nên hành vi của bà Tho không cấu thành tội phạm có liên quan.

[9]. *Về án phí*: Bị cáo Võ Văn Chí L và bị cáo Đoàn Văn Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định và theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 38, Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1 và khoản 3 Điều 329, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Võ Văn Chí L phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Võ Văn Chí L 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/11/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo Võ Văn Chí L 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/02/2023) để đảm bảo cho việc thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 38, Điều 46, Điều 47, Điều 48, Điều 58 Bộ luật Hình sự; Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1 và khoản 3 Điều 329, Điều 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Đoàn Văn Th phạm tội "Trộm cắp tài sản".

Xử phạt bị cáo Đoàn Văn Th 09 (chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 02/11/2022. Tiếp tục tạm giam bị cáo Đoàn Văn Th 45 ngày kể từ ngày tuyên án (ngày 14/02/2022) để đảm bảo cho việc thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Trả cho ông Nguyễn Thanh H 01 xe gắn máy biển số 62AR-012.67, số khung RR6DCB9UMFT927084, số máy VZS139FMB927084.

(Tang vật nêu trên hiện do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/01/2023).

Về án phí: Buộc bị cáo Võ Văn Chí L và bị cáo Đoàn Văn Th mỗi bị cáo nộp 200.000đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào ngân sách Nhà nước.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị hại, Người có quyền lợi,

nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định các điều 6, 7 và 9 Luật 30 Luật thi hành án dân sự”/.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An;
- Cơ quan Điều tra Công an huyện Đ;
- Chi cục thi hành án dân sự huyện Đ;
- Cơ quan thi hành hình sự huyện Đ;
- Sở tư pháp tỉnh Long An;
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hữu Q